

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **286/2026/KDTM-ST**
Ngày: 21-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Anh Tuấn
- Bà Lê Nguyễn Mộng Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Thùy An là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 124/2026/TLST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6983/2026/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Trụ sở: Số *** đường T, phường C, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Các ông/bà Ngô Thị Ngọc A1, Lê Thị Mai A2, Trần Trọng Đ, Phạm Thị Mộng L1, Nguyễn Thịnh H

Cùng địa chỉ liên lạc: Số *** đường N, phường B, Thành phố H

(Văn bản ủy quyền số ***/UQ-CN3 ngày ***)

Bị đơn: Công ty TNHH T

Trụ sở: Số ***, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ái L2 – Giám đốc

Địa chỉ: Số ** Đường *, Khu phố **, phường H, Thành phố H.

(Ông Trần Trọng Đ có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng C) và Công ty TNHH T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) đã ký 02 hợp đồng vay như sau:

1/ Hợp đồng cho vay từng lần số *** ngày 21/5/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay ngày 21/5/2021) + Giấy nhận nợ số ** ngày 30/11/2021, nội dung: Tổng giá trị khoản vay: 3.180.000.000 đồng, đã giải ngân theo giấy nhận nợ 3.180.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua xe ô tô BMW; Ngày giải ngân: 30/11/2021; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất có điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân áp dụng chương trình ưu đãi là 7,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm.

2/ Hợp đồng cho vay hạn mức số *** ngày 19/7/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho vay ngày 19/7/2021), nội dung: Hạn mức cho vay: 37.000.000.000 đồng (bao gồm dư nợ theo Hợp đồng cho vay số *** ngày 28/7/2020), đã giải ngân 33.234.493.212 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 19/7/2022; Thời hạn cho vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ và ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 07 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất có điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân áp dụng chương trình ưu đãi là 7%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng C đã giải ngân cho Công ty T theo 24 Giấy nhận nợ tính từ ngày 11/7/2022 đến ngày 19/7/2022 và Công ty T đã tắt toán các khoản vay của các Giấy nhận nợ từ số 01 đến số 17, còn nợ các khoản vay của các giấy nhận nợ từ số 18 đến số 24.

Để đảm bảo cho việc thanh toán, Công ty T đã thế chấp tài sản là Xe ô tô hiệu BMW có số máy: *****, số khung: *****, biếm kiểm soát: ***** (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ***** do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 19/5/2021) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 21/5/2021 (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp ngày 19/5/2021) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 19/10/2021 (Sau đây gọi tắt là Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 19/10/2021)

Trong quá trình thực hiện 02 hợp đồng vay thì Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH T phải trả tạm tính đến ngày 19/6/2026 là 7.029.060.472 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng cho vay ngày 21/5/2021: gốc 2.173.000.000 đồng, lãi quá hạn 982.577.889 đồng và lãi chậm trả lãi 244.639.086 đồng

+ Hợp đồng cho vay ngày 19/7/2021: Lãi quá hạn: 2.461.267.653 đồng; Lãi chậm trả lãi: 1.167.575.799 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp là: Xe ô tô con hiệu BMW, Biếm số ***** (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ***** do Công an Thành phố H cấp ngày 19/5/2021) để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm, nếu Công ty TNHH T vẫn chưa thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

* Bị đơn Công ty TNHH T (người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị Ái L2): Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Ông Trần Trọng Đ trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định các khoản tiền yêu cầu bị đơn phải trả tính đến ngày 21/8/2026 là 7.103.275.513 đồng, trong đó:

+ Hợp đồng vay ngày 21/5/2021 là 3.474.432.061 đồng, gồm: Gốc 2.173.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.032.026.164 đồng và lãi chậm trả lãi 269.405.897 đồng;

+ Hợp đồng vay ngày 19/7/2021 là 3.628.843.452 đồng, gồm: Lãi quá hạn 2.461.267.653 đồng và lãi chậm trả lãi 1.167.575.799 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 22/8/2026 cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng C.

- Bị đơn Công ty T: vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng C yêu cầu Công ty T thanh toán các khoản tiền còn nợ và Công ty T có trụ sở tại phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên xác định đây là

vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025)

[2] Về thủ tục tố tụng:

Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc Công ty T trả các khoản vay còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ 02 Hợp đồng cho vay từng lần số *** ngày 21/5/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số *** ngày 19/7/2021; Các Giấy nhận nợ; lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Việc ký kết các hợp đồng và giải ngân giữa Công ty T và Ngân hàng C là có thật, tự nguyện, phù hợp với các quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và có giá trị pháp lý ràng buộc giữa các bên. Theo đó, Ngân hàng C đã cho Công ty T vay các khoản như sau:

- Hợp đồng cho vay ngày 21/5/2021 + Giấy nhận nợ số ** ngày 30/11/2021, nội dung: Tổng giá trị khoản vay: 3.180.000.000 đồng, Mục đích vay: Thanh toán chi phí mua xe ô tô BMW; Ngày giải ngân: 30/11/2021; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất có điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân áp dụng chương trình ưu đãi là 7,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm.

- Hợp đồng cho vay ngày 19/7/2021, nội dung: Hạn mức cho vay: 37.000.000.000 đồng, Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 19/7/2021 đến hết ngày 19/7/2022; Thời hạn cho vay được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ và ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 07 tháng; Lãi suất vay: Lãi suất có điều chỉnh, tại thời điểm giải ngân áp dụng chương trình ưu đãi là 7%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân các khoản vay trong các Hợp đồng cho Công ty T theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hai hợp đồng vay, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù Ngân hàng C đã nhiều lần yêu cầu thanh toán.

Xét, Ngân hàng C yêu cầu Công ty T trả các khoản tiền còn nợ của 02 hợp đồng vay. Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty T không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc Công ty T không thanh toán hết các khoản nợ đã vi phạm thời hạn thanh toán theo các thỏa thuận trong hai hợp đồng vay và các quy định của pháp luật.

Căn cứ các điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T trả tổng số tiền vay còn nợ Ngân hàng C tính đến ngày 21/8/2026 là 7.103.275.513 đồng, trong đó:

- Hợp đồng vay ngày 21/5/2021 là 3.474.432.061 đồng, gồm: Gốc 2.173.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.032.026.164 đồng và lãi chậm trả lãi 269.405.897 đồng;

- Hợp đồng vay ngày 19/7/2021 là 3.628.843.452 đồng, gồm: Lãi quá hạn 2.461.267.653 đồng và lãi chậm trả lãi 1.167.575.799 đồng.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 22/8/2026 cho đến khi Công ty T thanh toán hết nợ.

[3.2] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **** do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 19/5/2021 cho Công ty T; Hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 21/5/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 19/10/2021; lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Công ty T là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là Xe ô tô hiệu BMW có số máy: *****, số khung: *****, biển kiểm soát: *****.

Công ty T đã đồng ý thế chấp tài sản nêu trên cho Ngân hàng C để đảm bảo cho các khoản nợ của mình theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21/5/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 19/10/2021. Như vậy, việc thế chấp tài sản là tự nguyện, đã được lập thành văn bản và việc thế chấp đã được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/5/2021 theo đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Xét, Ngân hàng C yêu cầu kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ khi Công ty T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ các điều 299, 317, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành các thủ tục kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ khi Công ty T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

[3.3] Ý kiến của Viện kiểm sát khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3.4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu buộc trả 02 khoản vay còn

nợ của Ngân hàng C được chấp nhận là 115.103.276 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty T có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty T phải hoàn trả cho Ngân hàng C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng C đã tạm ứng nộp cho Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ các điều 299, 317, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 91, 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/8/2026 là 7.103.275.513 đồng, trong đó:

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần số *** ngày 21/5/2021 và Giấy nhận nợ số ** ngày 30/11/2021 là 3.474.432.061 đồng, bao gồm: Gốc 2.173.000.000 đồng, lãi quá hạn 1.032.026.164 đồng và lãi chậm trả lãi 269.405.897 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số *** ngày 19/7/2021 và các giấy nhận nợ từ số 18 đến số 24 trong khoảng thời gian từ ngày 11/7/2022 đến ngày 19/7/2022 là 3.628.843.452 đồng (bao gồm: Lãi quá hạn 2.461.267.653 đồng và lãi chậm trả lãi 1.167.575.799 đồng).

Lãi tiếp tục tính từ ngày 22/8/2026 cho đến khi Công ty TNHH T thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong 02 Hợp đồng cho vay và các Giấy nhận nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C thì lãi suất mà Công ty TNHH T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP C theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C.

Trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng

nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản là: Xe ô tô hiệu BMW có số máy: *****, số khung: *****, biển kiểm soát: ***** (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số ***** do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 19/5/2021) để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 21/5/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số *** ngày 19/10/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP C.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 115.103.276 đồng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền 57.422.870 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0018225 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng TMCP C đã tạm ứng theo Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng số 124-1/TB-TA ngày 11/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh là 3.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2 – TP.HCM;
- Các đương sự;
- THADS TP.HCM;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh